

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ- ST

Ngày 24-9-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tùng Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Hồng.
2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Văn Toàn – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy B, sinh năm 1996 – có mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường Y, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Anh Nguyễn Mộng H, sinh năm 1987 – vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố Z, phường Y, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy B trình bày có nội dung: Chị và anh Nguyễn Mộng H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2013, ngày 17/12/2014 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Y, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa hai anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau về các vấn đề trong sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Hiện tại,

hai anh chị đã sống ly thân với nhau. Nay chị nhận thấy không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Mộng H. Về con chung, quá trình chung sống, chị và anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hoài Diệp Đ, sinh ngày 13/5/2014. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa nguyên đơn xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, những yêu cầu khởi kiện khác vẫn giữ nguyên.

Bị đơn anh Nguyễn Mộng H: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, bị đơn không thực hiện đúng Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Nguyễn Thị Thùy B được ly hôn với anh Nguyễn Mộng H; về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoài Diệp Đ, sinh ngày 13/5/2014 cho chị B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi đủ tuổi thành niên; về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản, chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 04/5/2020 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy B nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 13/5/2020 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, cùng ngày nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy B nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án ngày 18/5/2020 là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Bị đơn anh Nguyễn Mộng H đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy B và anh Nguyễn Mộng H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị B và anh Nguyễn Mộng H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 17/12/2014 tại Ủy ban nhân

dân phường Y, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn được một thời gian thì hai người phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là giữa hai anh chị không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi lộn nhau về các vấn đề trong sinh hoạt, cuộc sống hàng ngày nên tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng chị B, anh H thì địa phương xác định: về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn giữa chị B và anh H cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được. Hiện chị B đã về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống tại tổ dân phố X, phường Y, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thùy B và anh Nguyễn Mộng H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên giải quyết cho chị Nguyễn Thị Thùy B ly hôn anh Nguyễn Mộng H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị B và anh H có 01 người con chung là cháu Nguyễn Hoài Diệp Đ, sinh ngày 13/5/2014. Xét thấy cháu Nguyễn Hoài Diệp Đ còn nhỏ tuổi; yêu cầu của chị B về việc được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên là chính đáng nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa chị B xin rút không yêu cầu Tòa án giải quyết, HĐXX nhận thấy việc rút 1 phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện và đúng pháp luật phù hợp với điều 243, điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 243; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thùy B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thùy B được ly hôn với anh Nguyễn Mộng H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hoài Diệp Đ, sinh ngày 13/5/2014 cho chị Nguyễn Thị Thùy B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên.

Anh Nguyễn Mộng H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thùy B về việc yêu cầu anh Nguyễn Mộng H cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thùy B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0009555 ngày 13/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận :**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- UBND phường Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tùng Lâm